

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 06-3-2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung

Ông Nguyễn Văn Ba

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Kim Yên- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 928/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1983

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Văn T, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Số 35, khu B, Ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trương Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Võ Văn T chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau do ông T thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt và không chăm lo cho gia đình. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 03 người con chung là cháu Võ Trương L, sinh ngày 21/01/2003; cháu Võ Trương Như T, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Võ Văn

T, sinh ngày 04/5/2013. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Lời khai của ông Võ Văn T tại hồ sơ thể hiện:

Ông và bà Trương Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H đã nộp đơn ly hôn với ông vào năm 2015 nhưng sau đó rút đơn nên Tòa đình chỉ. Nay bà H xin ly hôn ông với lý do ông thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình là đúng, tuy nhiên những nguyên nhân trên ông đã khắc phục được một phần. Ngoài ra, bà H còn khai ông có xúc phạm đánh đập bà H thì ông không nhớ vì những lúc đó ông nhậu về nên không còn tỉnh táo. Ông và bà H đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2019 đến nay, thời gian sống ly thân hai vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ được do bà H né tránh. Ông không đồng ý ly hôn với bà H vì những lý do bà Hương đưa ra là không thuyết phục.

Về con chung: Ông T đồng ý giao 03 con chung là cháu Võ Trương L, sinh ngày 21/01/2003; cháu Võ Trương Như T, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Võ Văn Th, sinh ngày 04/5/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T khai không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; giao 03 con chung là cháu Võ Trương L, sinh ngày 21/01/2003; cháu Võ Trương Như T, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Võ Văn Th, sinh ngày 04/5/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu H, bị đơn ông Võ Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H, bị đơn ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu H và ông Võ Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 15 tháng 4 năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà H xin ly hôn ông T với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc và không lo cho gia đình, phía ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn trên là đúng. Giữa ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay nhưng ông T không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H mà ông T mong muốn được đoàn tụ để về chung sống vì ông cho rằng lý do bà H đưa ra để ly hôn ông là không thuyết phục.

Xét quan hệ hôn nhân của bà H và ông T thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện quá trình chung sống bà H và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 10/2019, trong thời gian sống ly thân bà H và ông T không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà H và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 03 người con chung là cháu Võ Trương L, sinh ngày 21/01/2003; cháu Võ Trương Như T, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Võ Văn Th, sinh ngày 04/5/2013. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung, ông T cũng đồng ý. Theo lời khai tại hồ sơ thì 02 cháu L và T đều có nguyện vọng sống với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử giao 03 con chung là cháu L, T và Th cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Bà H nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Trương Thị Thu H đối với ông Võ Văn T.

Xử cho bà Trương Thị Thu H được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về nuôi con chung: Giao 03 con chung là cháu Võ Trương L, sinh ngày 21/01/2003; cháu Võ Trương Như T, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Võ Văn Th, sinh ngày 04/5/2013 cho bà Trương Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002860 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà H và ông T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo